TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **87**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2019
Về việc: "Yêu cầu L hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 145/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc **"**Yêu cầu L hôn và nuôi con**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Hà Đức T**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã S, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn xin L hôn, chị Nguyễn Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Hà Đức T quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh K ngày 30/10/2009. Thời gian chung sống vợ chồng tôi sinh được 01 người con chung tên Hà Anh K, sinh ngày 04/4/2009.

Về mâu thuẫn gia đình: Từ năm 2013 vợ chồng tôi bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, nguyên nhân chính là do anh T đi làm ăn xa nên phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó anh T không quan tâm đến vợ con nữa, thường xuyên không về nhà thời gian dài.

Nay xét thấy tôi không thể tiếp tục kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân này nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được L hôn với anh T để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 09/7/2019, bị đơn anh Hà Đức T trình bày như sau:*

Tôi và cô L kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng nên hai bên quyết định L thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay tôi đồng ý L hôn với cô L.

Về con chung: Tôi và cô L có một con chung tên Hà Anh K, sinh ngày 04/4/2009. Nay tôi đồng ý giao con cho vợ tiếp tục nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu L hôn và nuôi con của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hà Đức T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

2. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hà Đức T kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh K theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/10/2009 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên quyết định sống L thân từ năm 2015 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L xác định không còn tình cảm gì với anh T, không thể hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng với anh T nên chị mong muốn được L hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này. Xét thấy, chị L và anh T đã sống L thân với nhau từ nhiều năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu L hôn của chị L là có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác, tại bản

tự khai của anh T, anh cũng đồng ý L hôn với chị L. Do đó, HĐXX ghi nhận sự thuận tình L hôn giữa chị Nguyễn Thị L với anh Hà Đức T.

3. Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên Hà Anh K, sinh ngày 04/4/2009. Chị L có yêu cầu được tiếp tục nuôi con và anh T cũng đồng ý giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị L.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T xác định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin L hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị L.

5. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình L hôn giữa chị Nguyễn Thị L với anh Hà Đức T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hà Anh K, sinh ngày 04/4/2009 đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân sơ th ẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí L hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh K theo biên lai thu số 0002227 ngày 02 tháng 4 năm 2019. Chị Nguyễn Thị L không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Hà Đức T được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã S;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc